

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Cao Anh Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Chinh và ông Bùi Văn Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐST- HNGĐ ngày 01/4/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 6, khối 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 6, khối 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

- Tôi và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bình Định vào ngày 26/01/2011. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã vì những lý do nhỏ nhặt. Đến đầu năm 2024 vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi yêu cầu Tòa án được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy V, sinh ngày 25/11/2011; cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 17/5/2013. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy V, sinh ngày 25/11/2011; cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 17/5/2013 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Qua phần trình bày của ông L là đúng sự thật. Tôi và ông Nguyễn Thành L đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bình Định vào ngày 26/01/2011. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã vì những lý do nhỏ nhặt. Đến đầu năm 2024 vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên ông Nguyễn Thành L yêu cầu Tòa án xin ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy V, sinh ngày 25/11/2011; cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 17/5/2013. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy V, sinh ngày 25/11/2011; cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 17/5/2013 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T chỉ lên Tòa án hòa giải lần đầu nhưng sau đó đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Thành L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao 02 con chung là 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy V, sinh ngày 25/11/2011; cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 17/5/2013 cho ông Nguyễn Thành L trực tiếp, chăm sóc 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Tòa án thụ lý việc khởi kiện của bà ông Nguyễn Thành L là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị T không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để làm việc. Ngày 17/4/2025 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 08/5/2025 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 26 tháng 01 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Bình Định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã vì lý do nhỏ nhặt, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thành L đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Qua quá trình xác minh tại chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân xã thị trấn K xác định vợ chồng ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị T có mâu thuẫn, cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không biết nhưng hiện nay vợ chồng đang sống ly thân với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị T ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy V, sinh ngày 25/11/2011 và cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 17/5/2013. Hiện nay, 02 con chung đang ở với ông Nguyễn Thành L và các cháu đều có nguyện vọng được ở với ông L do đó Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông Nguyễn Thành L nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về chấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông Nguyễn Thành L không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Thành L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Thành được quyền ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy V, sinh ngày 25/11/2011 và cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 17/5/2013 cho ông Nguyễn Thành L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông Nguyễn Thành L không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0012003 ngày 13/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. K;
- UBND thị trấn K;
- Chi cục THA dân sự H. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn